TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số:104/2021/HS-PT
Ngày 16 – 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thanh và bà Phạm Thị Thúy Mai

Thư ký Tòa án: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: bà Mầu Mai Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Ph1 xét xử Ph1 thẩm công khai vụ án hình sự thụ Lsố: 54/2021/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Phan VH, do có kháng cáo của bị cáo H4 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VT.

Bị cáo có kháng cáo: Phan VH (tên gọi khác: Phan Phan ĐH), sinh ngày 30 tháng 10 năm 1962; trú tại: thôn XC, xã VN, huyện VT, tỉnh Vĩnh Ph1; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nm; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nm; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nm- giữ chức vụ Trưởng thôn XC nhiệm kỳ 2017-2020 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng). Con ông Phan VM và bà Khuất TC(đều đã chết); có vợ: Phan Thị T1 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1986; nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (Vắng mặt).

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Nguyên đơn dân sự: UBND xã VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Ph1 (vắng mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 201/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Ph1 về một số cơ chế, chính sách thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Ph1 giai đoạn 2015-2020. Ngày 04/02/2016, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Vĩnh Ph1 ban hành Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND về việc Quy định thực hiện một số cơ chế, chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Ph1 giai đoạn 2016-2020. Ngày 31/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Ph1 ban hành Quyết định số 2026/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán, cấp kinh phí hỗ trợ sản X cây vụ Đg năm 2018, loại cây được hỗ trợ là cây ngô thường, Đ1 tương, kH2i lang, lạc với mức hỗ trợ 1.400.000đ/ha. Thực hiện Quyết định 2026 nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Ph1, ngày 21/12/2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là NN&PTNT) tỉnh Vĩnh Ph1 ban hành Văn bản số 2128/SNN&PTNT-TCKH H dẫn các thủ tục Th quyết toán kinh phí hỗ trợ cây vụ Đg năm 2018. Ngày 04/9/2018 Ủy ban nhân dân huyện VT (Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn) ban hành Công văn số 154/NN&PTNT-NN yêu cầu Trung tâm Văn hóa- thông tin- thể thao huyện và Ủy ban nhân dân các xã Tntruyền nội dung hỗ trợ sản X cây vụ Đg năm 2018. Ngày 25/12/2018 Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện VT tiếp tục ban hành Văn bản số 223/NN&PTNT-TT tổ chức hội nghị về việc thực hiện H dẫn Th quyết toán kinh phí hỗ trợ sản X cây vụ Đg năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Ph1 vào ngày 27/12/2018, T1 phần tham dự gồm Phòng Tài chính kế hoạch, Lãnh đạo Trạm trồng trọt & BVTV, Trung tâm văn hóa - thông tin- thể thao, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân và cán bộ phụ trách nông nghiệp của các xã, thị trấn tham dự hội nghị. Sau đó, ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân huyện VT ban hành Văn bản số 3360/UBND-NN&PTNT chỉ đạo tổ chức nghiệm thu diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 với cấp xã, T1 phần nghiệm thu ở huyện là đại diện lãnh đạo, cán bộ các cơ quan: Phòng Nông nghiệp&PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trạm Khuyến nông; ở xã là Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, cán bộ chuyên môn: Kế toán ngân sách, Nông nghiệp - PTNT, Thống kê, Giám đốc HTX Nông nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo và H dẫn của Ủy ban nhân dân huyện VT, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ông Nguyễn HQ- Chủ tịch UBND xã Vn, huyện VT, tỉnh Vĩnh Ph1 đã giao cho ông Nguyễn HV - cán bộ phụ trách nông nghiệp kiêm thủ quỹ của UBND xã Vn triển khai thực hiện theo H dẫn của UBND huyện. Ông HV

đã tổ chức họp với các Trưởng thôn, thông báo Quyết định số 2026 của UBND tỉnh và yêu cầu trưởng các thôn rà soát, kê khai, lập danh sách diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 thực tế của nhân dân trong thôn để làm căn cứ đề nghị cấp phát kinh phí hỗ trợ. Sau khi được giao nhiệm vụ, Phan VH - Trưởng thôn XC đã tự mình thực hiện việc rà soát, Km kê diện tích trong thôn, H4 không tiến hành đo đạc thực tế mà chỉ nhìn bằng mắt thường và áng khoảng diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 của thôn XC. Qua rà soát, H4 xác định diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 thực tế của nhân dân thôn XC là khoảng 314 sào Bắc bộ (tương đương 113.000 m^2). Tuy nhiên, H4 nhận thức được việc Trưởng thôn kê khai báo cáo diện tích bao nhiêu sẽ được cấp kinh phí tương ứng với diện tích đã báo cáo, do vậy H4 nảy sinh ý định kê khai, nâng khống diện tích cây trồng vụ Đg của nhân dân trong thôn nhằm mục đích chiếm đoạt kinh phí hỗ trợ của nhà nước nên H4 đã kê khai, báo cáo với UBND xã Vn diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 của thôn XC là 300.000m^2 (30ha). Theo H dẫn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Ph1 tại Văn bản số 2128/SNN&PTNT-TCKH thì UBND xã Vn pH13 tiến hành nghiệm thu diện tích gieo trồng thực tế của các thôn chi tiết tới từng hộ dân và pH13 chịu trách nhiệm T7 diện về tính chính xác của số liệu diện tích đã kê khai. Tuy nhiên, ông Nguyễn HV đã không tham mưu cho UBND xã Vn tổ chức nghiệm thu diện tích thực tế của các thôn mà tổng hợp luôn số liệu do các Trưởng thôn báo cáo rồi gửi lên UBND huyện VT (qua Phòng NN&PTNT huyện).

Sau khi nhận được số liệu thống kê của các xã. Ngày 02/01/2019, Đoàn công tác của UBND huyện VT gồm ông Hà Văn Minh - Phó Trưởng phòng NNvà bà Nguyễn Thị H3 - Cán bộ Trạm khuyến nông huyện VT đến UBND xã Vn để tổ chức nghiệm thu diện tích và kinh phí hỗ trợ cây trồng vụ Đg năm 2018, về phía UBND xã Vn có ông Nguyễn HV cán bộ nông nghiệp - PTNT là người trực tiếp làm việc với đoàn công tác. Tại buổi làm việc, UBND xã Vn đã không cung cấp được cho Đoàn công tác hồ sơ nghiệm thu giữa UBND xã Vn và các thôn, tuy nhiên đoàn công tác của UBND huyện (ông Minh và bà H3) đã căn cứ vào số liệu do ông Nguyễn HV báo cáo để lập bên bản nghiệm thu, đồng ý đưa vào quyết toán diện tích và kinh phí hỗ trợ cây trồng vụ Đg năm 2018 của xã Vn với tổng diện tích 130ha, tương đương 182.000.000 đồng (trong đó thôn XC được nghiệm thu với số liệu: 30 hộ, diện tích 300.000m^2, tổng kinh phí hỗ trợ là 42.000.000 đồng). Sau khi lập biên bản xong, ông HV trực tiếp đi lấy chữ ký của bà Lê Thị H4 L- cán bộ tài chính xã, bà Nguyễn Thị Vang - cán bộ thống kê xã, sau đó ông HV gọi điện báo cáo ông Quân, tuy nhiên do ông Quân đi họp vắng nên đã chỉ đạo ông HV báo cáo

ông Nguyễn Hk- Phó Chủ tịch UBND xã Vn làm việc với Đoàn công tác của UBND huyện và ký xác nhận vào biên bản nghiệm thu. Khi ông HV trình biên bản nghiệm thu, do tin tưởng số liệu trong biên bản là chính xác nên ông Nguyễn Hkđã ký xác nhận dưới mục "Ủy ban nhân dân xã", ông Hà Văn Minh ký dưới mục "Phòng Nông nghiệp&PTNT", các T1 phần được phân công trong đoàn công tác của UBND huyện VT là ông Đặng Ng. Đ- cán bộ Phòng TCKH huyện VT, ông Lê V.H- Phó trưởng Phòng TCKH huyện VT mặc dù không có mặt tại buổi nghiệm thu nhưng sau đó vẫn ký hợp thức vào biên bản nghiệm thu. Hồ sơ nghiệm thu sau đó được Phòng NNhuyện VT tổng hợp gửi Sở NN&PTNT tỉnh Vĩnh Ph1 trình UBND tỉnh Vĩnh Ph1.

Ngày 17/01/2019, UBND tỉnh Vĩnh Ph1 ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND về việc cấp kinh phí hỗ trợ sản X cây vụ Đg năm 2018 đến các huyện. Ngày 27/02/2019, UBND huyện VT ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019, trong đó UBND xã Vn được chi 182.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu đồng) kinh phí hỗ trợ cây vụ Đg năm 2018. Căn cứ số liệu diện tích do Trưởng thôn XC báo cáo, ngày 09/4/2019 UBND xã Vn đã chi cho thôn XC số tiền 42.000.000 đồng (30ha x 1.400.000đ/ha) và yêu cầu Phan VH- Trưởng thôn về thôn chi trả đúng mục đích, đúng đối tượng, lập danh sách chi trả kinh phí có thông tin về họ tên người nhận tiền, diện tích, số tiền đã được nhận, có chữ ký của người nhận tiền rồi chuyển lại danh sách cho UBND xã để quyết toán kinh phí.

Sau khi nhận được 42.000.000 đồng kinh phí hỗ trợ cây trồng vụ Đg năm 2018 của thôn XC, Phan VH căn cứ vào diện tích do mình theo dõi để chi trả với mức 50.000đồng/sào (thấp hơn 400 đồng/sào so với mức chi trả do UBND tỉnh quy định). H4 đã thực hiện chi trả cho *40/42 hộ dân trong thôn có trồng cây vụ Đg năm 2018 được nhận kinh phí với tổng số tiền là 15.695.000 đồng. Cụ thể:*

1. Hộ ông Nguyễn Văn L được nhận số tiền là 650.000đ;
2. Hộ bà Nguyễn Thị H2 được nhận số tiền là 350.000đ;
3. Hộ và Khuất Thị V được nhận số tiền là 350.000đ;
4. Hộ bà Nguyễn Thị H3 được nhận số tiền là 250.000đ;
5. Hộ ông Khuất Văn H4 được nhận số tiền là 500.000đ;
6. Hộ ông Phùng Văn X được nhận số tiền là 500.000đ;
7. Hộ ông Phùng Văn S được nhận số tiền là 250.000đ;
8. Hộ bà Phùng Thị T4 được nhận số tiền là 500.000đ;

9. Hộ ông Phùng Văn B được nhận số tiền là 500.000đ;
10.Hộ ông Phùng Văn L được nhận số tiền là 250.000đ;
11. Hộ bà Trần Thị Nh được nhận số tiền là 250.000đ;
12. Hộ ông Lê Văn T7 được nhận số tiền là 250.000đ;
13. Hộ bà Khuất Thị Đ1 được nhận số tiền là 200.000đ;
14. Hộ bà Lê Thị H được nhận số tiền là 50.000đ;
15. Hộ ông Phùng Văn Th được nhận số tiền là 120.000đ;
16. Hộ ông Nguyễn Xuân Tn (Đội 2) được nhận số tiền là 1.500.000đ;
17. Hộ ông Lê Văn Th được nhận số tiền là 250.000đ;
18. Hộ ông Phùng Văn Ch được nhận số tiền là 200.000đ;
19. Hộ ông Khuất Văn Km được nhận số tiền là 600.000đ;
20. Hộ bà Nguyễn Thị N3 được nhận số tiền là 450.000đ;
21. Hộ bà Nguyễn Thị H13 được nhận số tiền là 700.000đ;
22. Hộ ông Phùng Văn Ph1 (Th) được nhận số tiền là 180.000đ;
23. Hộ ông Nguyễn Văn Vnh được nhận số tiền là 400.000đ;
24. Hộ bà Nguyễn Thị Ng1 được nhận số tiền là 200.000đ;
25. Hộ ông Nguyễn Xuân Tn (Đội 1) được nhận số tiền là 2.000.000đ;
26. Hộ ông Khuất Văn Nm được nhận số tiền là 1.400.000đ;
27. Hộ ông Nguyễn Trọng TNK (Th) được nhận số tiền là 500.000đ;
28. Hộ ông Nguyễn Văn Tnh được nhận số tiền là 400.000đ;
29. Hộ bà Nguyễn Thị Th (Hnh) được nhận số tiền là 100.000đ;
30. Hộ ông Lê Đức TN1 (LL) được nhận số tiền là 50.000đ;
31. Hộ bà Nguyễn Thị H3 (Th) được nhận số tiền là 150.000đ;
32. Hộ bà Nguyễn Thị Hnn (Nh) được nhận số tiền là 125.000đ;
33. Hộ bà Phùng Thị Vng được nhận số tiền là 120.000đ;
34. Hộ bà Nguyễn Thị Vnn (Ph) được nhận số tiền là 100.000đ;
35. Hộ ông Phùng Văn Lng (Ch) được nhận số tiền là 250.000đ;
36. Hộ bà Đỗ Thị Hnn (Th) được nhận số tiền là 150.000đ;
37. Hộ ông Nguyễn Văn Phn (D) được nhận số tiền là 250.000đ;
38. Hộ ông Phùng Văn Th12 (Ph) được nhận số tiền là 250.000đ;
39. Hộ ông Đỗ Văn Th16 (M) được nhận số tiền là 150.000đ;
40. Hộ ông Phùng Văn Đg được nhận số tiền là 250.000đ.

Với mục đích chiếm đoạt số kinh phí còn dư là 26.305.000 đồng và để quyết toán đủ số kinh phí 42.000.000 đồng đã được cấp thì khi trả tiền cho các hộ dân, H4 đã dùng thủ đoạn cho những người nhận tiền ký khống vào danh sách cấp phát kinh phí chưa được điền thông tin gì và lấy Ldo "sẽ điền thông tin sau". Trong danh sách 30 hộ do H4 lập thì có *25 hộ dân thôn XC đã được nhận tiền rồi ký tên hoặc nhờ người nhận hộ tiền ký tên vào danh sách, gồm các hộ:* ông Nguyễn Văn Lý, bà Nguyễn Thị H2, bà Khuất Thị Vót, bà Nguyễn Thị H3, ông Khuất Văn H4, ông Phùng Văn X, ông Phùng Văn S, bà Phùng Thị T4, ông Phùng Văn B, ông Phùng Văn Lý, bà Trần Thị Nh, ông Lê Văn T7, bà Khuất Thị Đ1, bà Lê Thị H, ông Phùng Văn Th, ông Nguyễn Xuân Tn(Đội 2), ông Lê Văn Th, ông Phùng Văn Ch, ông Khuất Văn Km, bà Nguyễn Thị N3, bà Nguyễn Thị H13, ông Phùng Văn Ph1 (Th), ông Nguyễn Văn Vnh, bà Nguyễn Thị Ng1, ông Nguyễn Xuân Tn(Đội 1); *05 hộ dân có tên nhưng không được nhận tiền mà do H4 lập, ký khống tên vào danh sách, gồm các hộ:* ông Khuất Văn Lực, ông Phùng Văn Th, ông Phùng Văn Tài, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Nguyễn Văn Nm.

Các hộ (15 hộ) dân đã được nhận tiền nhưng không có tên vào danh sách, gồm hộ: ông Khuất Văn Nm, ông Nguyễn Trọng Tài, ông Nguyễn Văn Tnh, bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Đức TN1 (LL), bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Hnn, bà Phùng Thị Vng, bà Nguyễn Thị Vnn, ông Phùng Văn Long, bà Đỗ Thị Hnn, ông Nguyễn Văn Phn, bà Phùng Thị Thái, ông Đỗ Văn Th16, ông Phùng Văn Đg.

Sau khi có chữ ký của 30 hộ dân, H4 tự điền thông tin về họ tên chủ hộ, tự điền khống thông tin diện tích là 10.000m^2/hộ, ghi khống số tiền trả cho mỗi hộ là 1.400.000 đồng. Hợp thức xong danh sách cấp phát kinh phí H4 đã chuyển danh sách này cho UBND xã Vn để quyết toán số tiền 42.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền thực tế Phan VH đã chi trả cho 40/42 hộ dân thôn XC có diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 là 15.695.000 đồng. Trong đó 36/40 hộ được H4 chi trả thiếu tiền do H4 áp dụng mức chi trả thấp hơn 400 đồng/sào hoặc tính diện tích thấp hơn diện tích thực tế canh tác với tổng số tiền còn pH13 trả cho 36 hộ là 8.979.400 đồng, cụ thể:

1. Hộ ông Khuất Văn Nm có diện tích 18.000m^2, số tiền được nhận là 2.520.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 1.400.000đ, số tiền còn được nhận là 1.120.000đ.

2. Hộ ông Nguyễn Trọng TNK (Th) có diện tích 10.800m^2, số tiền được nhận là 1.512.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 500.000đ, số tiền còn được nhận là 1.012.000đ.

3. Hộ ông Nguyễn Văn Tnh có diện tích 3.240m^2, số tiền được nhận là 453.600đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 400.000đ, số tiền còn được nhận là 53.600đ.

4. Hộ bà Nguyễn Thị Th (Hanh) có diện tích 720m^2, số tiền được nhận là 100.800đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 100.000đ, số tiền còn được nhận là 800đ.

5. Hộ ông Lê Đức TN1 (LL) (Lý) có diện tích 540m^2, số tiền được nhận là 75.600đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 50.000đ, số tiền còn được nhận là 25.600đ.

6. Hộ bà Nguyễn Thị H3 (Thạch) có diện tích 1.080m^2, số tiền được nhận là 151.200đ, số tiền được Phan VH chi trả là 150.000đ vậy còn thiếu 1.200đ.

7. Hộ bà Nguyễn Thị Hnn (Nhác) có diện tích 900m^2, số tiền được nhận theo định mức là 126.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 125.000đ, số tiền còn được nhận là 1.000đ.

8. Hộ bà Phùng Thị Vng có diện tích 900m^2, số tiền được nhận là 126.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 120.000đ, số tiền còn được nhận là 6.000đ.

9. Hộ bà Nguyễn Thị Vnn (Phương) có diện tích 1.080m^2, số tiền được nhận là 151.200đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 100.000đ, số tiền còn được nhận là 51.200đ.

10. Hộ ông Phùng Văn Lng(Chí) có diện tích 2.040m^2, số tiền được nhận là 285.600đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 35.600đ.

11. Hộ bà Đỗ Thị Hnn (Thảo) có diện tích 1.080m^2, số tiền được nhận là 151.200đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 150.000đ, số tiền còn được nhận là 1.200đ.

12. Hộ ông Nguyễn Văn Phn (Duyên) có diện tích 2.520m^2, số tiền được nhận là 352.800đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 102.800đ.

13. Hộ ông Phùng Văn Th12(Phẩm) có diện tích 1.800m^2, số tiền được nhận là 252.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 2.000đ.

14. Hộ ông Đỗ Văn Th16 (Mơ) có diện tích 1.800m^2, số tiền được nhận là 252.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 150.000đ, số tiền còn được nhận là 102.000đ.

15. Hộ ông Phùng Văn Đg có diện tích 8.280m^2, số tiền được nhận là 1.150.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 900.000đ.

16. Hộ ông Nguyễn Văn Lcó diện tích 9.000m^2, số tiền được nhận là 1.260.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 650.000đ, số tiền còn được nhận là 610.000đ.

17. Hộ bà Nguyễn Thị H2 có diện tích 3.700m^2, số tiền được nhận là 518.000đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 350.000đ, số tiền còn được nhận là 168.000đ.

18. Hộ bà Khuất Thị Vcó diện tích 3.960m^2, số tiền được nhận là 554.400đ, số tiền đã được Phan VH chi trả là 350.000đ, số tiền còn được nhận là 204.400đ.

19. Hộ bà Nguyễn Thị H3 có diện tích 3.600m^2, số tiền được nhận là 504.000, số tiền được Phan VH chi trả là 250.000đ vậy còn được nhận là 254.000đ.

20. Hộ ông Khuất Văn H4 có diện tích 7.200m^2, số tiền được nhận theo định mức là 1.008.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 500.000đ, số tiền còn được nhận là 508.000đ.

21. Hộ ông Phùng Văn S (Trần Thị Xuân) có diện tích 1.800m^2, số tiền được nhận là 252.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 2.000đ.

22. Hộ bà Phùng Thị T4 có diện tích 5.760m^2, số tiền được nhận là 806.400đ, số tiền được Phan VH chi trả là 500.000đ, số tiền còn được nhận là 306.400đ.

23. Hộ ông Phùng Văn B có diện tích 4.000m^2, số tiền được nhận là 560.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 500.000đ, số tiền còn được nhận là 60.000đ.

24. Hộ ông Phùng Văn Lcó diện tích 1.800m^2, số tiền được nhận là 252.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 2.000đ.

25. Hộ bà Trần Thị Nh có diện tích 3.600m^2, số tiền được nhận là 504.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 254.000đ.

26. Hộ ông Lê Văn T7 có diện tích 3.240m^2, số tiền được nhận là 453.600đ, số tiền được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 203.600đ.

27. Hộ bà Lê Thị H có diện tích 360m^2, số tiền được nhận là 50.400đ, số tiền được Phan VH chi trả là 50.000đ, số tiền còn được nhận là 400đ.

28. Hộ ông Nguyễn Xuân Tn(Đội 2) có diện tích 10.800m^2, số tiền được nhận là 1.512.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 1.500.000đ, số tiền còn được nhận là 12.000đ.

29. Hộ ông Lê Văn Th (Khổng Thị Sen) có diện tích 3.600m^2, số tiền được nhận là 504.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 250.000đ, số tiền còn được nhận là 254.000đ.

30. Hộ ông Phùng Văn Ch (Phùng Thị Bảy) có diện tích 1.440m^2, số tiền được nhận là 201.600đ, số tiền được Phan VH chi trả là 200.000đ, số tiền còn được nhận là 1.600đ.

31.Hộ ông Khuất Văn Km có diện tích 7.200m^2, số tiền được nhận là 1.008.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 600.000đ, số tiền còn được nhận là 408.000đ.

32. Hộ bà Nguyễn Thị H13 có diện tích 9.000m^2, số tiền được nhận là 1.260.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 700.000đ, số tiền còn được nhận là 560.000đ.

33. Hộ ông Phùng Văn Ph1 (Th) có diện tích 2.160m^2, số tiền được nhận là 302.400đ, số tiền được Phan VH chi trả là 180.000đ, số tiền còn được nhận là 122.400đ.

34. Hộ ông Nguyễn Văn Vnh có diện tích 5.040m^2, số tiền được nhận là 705.600đ, số tiền được Phan VH chi trả là 400.000đ, số tiền còn được nhận là 305.600đ.

35. Hộ bà Nguyễn Thị Ng1 có diện tích 3.600m^2, số tiền được nhận là 504.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 200.000đ, số tiền còn được nhận là 304.000đ.

36. Hộ ông Nguyễn Xuân Tn(Đội1) có diện tích 21.600m^2, số tiền được nhận là 3.024.000đ, số tiền được Phan VH chi trả là 2.000.000đ, số tiền còn được nhận là 1.024.000đ.

Có 04/40 hộ được H4 chi trả nhiều hơn so với diện tích thực tế, số tiền đã chi thừa cho 04 hộ là 421.600 đồng, cụ thể:

1. Hộ ông Phùng Văn X có diện tích 3.060m^2, số tiền được nhận là 428.400đ, số tiền được Phan VH chi trả là 500.000đ, số tiền nhận thừa là 71.600đ.

2. Hộ ông Khuất Văn Đ1 có diện tích 720m^2, số tiền được nhận là 100.800đ, số tiền được Phan VH chi trả là 200.000đ, số tiền nhận thừa là 99.200đ.

3. Hộ ông Phùng Văn Th có diện tích 840m^2, số tiền được nhận là 117.600đ, số tiền được Phan VH chi trả là 120.000đ, số tiền nhận thừa là 2.400đ.

4. Hộ bà Nguyễn Thị N3 có diện tích 1.440m^2, số tiền được nhận là 201.600đ, số tiền được Phan VH chi trả là 450.000đ, số tiền nhận thừa là 248.400đ.

Có 02/42 hộ có diện tích trồng cây vụ Đg được hỗ trợ kinh phí, nhưng chưa nhận kinh phí với tổng số tiền là 604.800 đồng, cụ thể:

1. Hộ ông Khuất Văn Lực có diện tích 720m^2, số tiền được nhận là 100.800đ.

2. Hộ ông Phùng Văn Th có diện tích 3.600m^2, số tiền được nhận là 504.000đ.

Đối với số kinh phí còn dư là 26.305.000 đồng H4 chiếm giữ. Tại cơ quan điều tra Phan VH khai nhận: Tháng 12/2017, thôn XC tổ chức họp dân và thống nhất làm đường điện thắp sáng trên tuyến đường chính của thôn. Kinh phí mua thiết bị, lắp đường dây sẽ do H4 tạm ứng tiền cá nhân để chi trả, sau khi làm xong sẽ vận động nhân dân đóng góp để trả tiền mua thiết bị điện; tiền điện thắp sáng hàng tháng sẽ trừ trung B từng đầu hộ. Khi lắp đường điện thì có hộ bà Phùng Thị Mai (thôn XC) ủng hộ số tiền 4.000.000 đồng, số tiền chi phí còn lại do H4 tạm ứng tiền cá nhân chi trả. Tổng số tiền chi phí lắp đường điện và trả tiền điện hàng tháng, tính đến tháng 4/2020 H4 đã chi là 39.729.462 đồng(có chứng từ thu tiền điện của Công ty Cổ phần điện năng Vn; Giấy biên nhận tiền mua dụng cụ, thuê làm đường dây). H4 chưa thu tiền của nhân dân để trả vào việc làm đường điện và trả tiền điện hàng tháng, khi có khoản tiền 26.305.000 đồng như trên H4 đã tự đối trừ trả vào việc lắp đường điện thắp sáng của thôn và trả tiền điện thắp sáng hàng tháng của thôn XC. Việc sử dụng khoản tiền 26.305.000 đồng đối trừ vào kinh phí làm đường điện thắp sáng và trả tiền điện thắp sáng của thôn không được thông qua cuộc họp nào của lãnh đạo thôn và nhân dân thôn XC, mà do H4 tự quyết định. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành ghi lời khai của lãnh đạo thôn XC gồm Bí thư Chi bộ, Hội trưởng Hội người cao tuổi, Hội cựu chiến binh, Tổ trưởng tổ nông dân,... những người này đều khẳng định lãnh đạo thôn và nhân dân trong thôn không biết việc có khoản tiền 26.305.000 đồng dư ra từ kinh phí nhà nước hỗ trợ cây trồng vụ Đg năm 2018 vì Phan VH không thông báo công khai số tiền này. Do vậy, Phan VH khai báo đã sử dụng số tiền 26.305.000 đồng vào việc làm đường điện và trả tiền điện thắp sáng của thôn là không có căn cứ.

Ngoài ra, Phan VH khai báo về việc H4 báo cáo số liệu có 30 hộ dân và diện tích mỗi hộ như nhau là 10.000m^2 là do ông Nguyễn HV - cán bộ Nông nghiệp xã Vn H dẫn, số tiền 26.305.000 đồng dư ra sau khi đã chi trả cho các hộ dân, H4 đã báo cáo ông Nguyễn HQ- Chủ tịch UBND xã Vn và ông Nguyễn HV, đã được ông

Quân và ông HV đồng ý cho giữ lại sử dụng tại thôn. Cơ quan điều tra đã ghi lời khai ông Quân và ông HV, tiến hành đối Ch giữa Phan VH với ông Quân và ông HV, nhưng không có căn cứ xác định việc ông Nguyễn HV H dẫn Phan VH báo cáo số liệu như trên; tại buổi đối Ch H4 khai nhận H4 không báo cáo ông Quân và ông HV về số tiền 26.305.000 đồng dư ra sau khi đã chi trả cho các hộ dân.

Ngày 07/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VT đã ra Quyết định trưng cầu Giám định viên tài chính - kế toán Sở Tài chính về nội dung việc sử dụng khoản kinh phí hỗ trợ cây trồng vụ Đg năm 2018 của Trưởng thôn XC. Ngày 24/7/2020, Giám định viên tài chính- Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Ph1 có kết luận số 03/GĐTC, kết luận:

Căn cứ điểm đ, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và H dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước nêu:

"đ) Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hàng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu pH13 theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, pH13 hoàn trả ngân sách cấp trên".

- Đối với khoản kinh phí UBND tỉnh Vĩnh Ph1 chi hỗ trợ sản X cây trồng vụ Đg năm 2018 cho thôn XC, sau khi đã chi trả cho người dân nhưng còn dư 26.305.000 đồng thì Trưởng thôn XC, xã Vn pH13 nộp lại Ngân sách Nhà nước, không được sử dụng chi vào mục đích khác. Số tiền còn dư 26.305.000 đồng pH13 được nộp vào ngân sách xã Vn để hoàn trả ngân sách cấp tỉnh.

- Ông Phan VH - Trưởng thôn XC tự ý quyết định sử dụng khoản tiền 26.305.000 đồng như nêu trên để làm đường điện của thôn và trả tiền điện thắp sáng hàng tháng của thôn XC là vi phạm các quy định của pháp luật về tài chính - kế toán.

Với nội dung trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VT đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Tnbố bị cáo Phan VH (Phan Phan ĐH) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Phan VH (Phan Phan ĐH) 01(Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/4/2021 bị cáo Phan VH có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Ph1 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì bị cáo bị mắc bệnh ung thư phổi pH13 điều trị trị xạ ở Viện phổi Trung ương. Theo tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện phổi Trung ương ngày 30/9/2021 chẩn đoán lúc ra viện bị cáo bị ung thư phổi trái giai đoạn IIIb. Hiện nay, bị cáo bị bệnh nhưng đã có đơn đề nghị không yêu cầu tạm đình chỉ vụ án và đề nghị tiếp tục xét xử và đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt bị cáo xác định hành vi của mình là sai và thể hiện sự ăn năn về hành vi của mình và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện Km sát nhân dân tỉnh Vĩnh Ph1 thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu và có quan điểm: Hành vi của bị cáo đã phạm tội như Cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết; xét tính Ch vụ án, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi là sai và ăn năn về hành vi đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 174; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Phan VH trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2]. Về việc vắng mặt bị cáo: Hiện nay, bị cáo đang mắc bệnh ung thư phổi giai đoạn IIIb, sức khỏe yếu. Mặc dù, bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo và đang được trị xạ theo từng đợt điều trị tại bệnh viện phổi trung ương nên có thời gian bị cáo đi trị xạ tại bệnh viện hết đợt trị xạ được về nhà nên bị cáo đề nghị không tạm đình chỉ vụ án và tiếp tục xét xử và đề nghị xét xử vắng mặt. Việc đề nghị tiếp tục xét xử và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa của bị cáo là phù hợp cần được chấp nhận. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phan

VH khai nhận T7 bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nguyên đơn dân sự, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về cách thức thực hiện tội phạm cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Thực hiện Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Ph1 về việc phê duyệt dự toán, cấp kinh phí hỗ trợ sản X cây vụ Đg năm 2018, loại cây trồng được hỗ trợ là cây ngô thường, Đ1 tương, kH2i lang, lạc; mức hỗ trợ 1.400.000 đ/ha và chỉ đạo của UBND huyện VT. Quá trình thực hiện việc kê khai diện tích cây trồng vụ Đg để đề nghị cấp kinh phí, Phan VH xác định thực tế diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 của thôn XC, xã Vn chỉ có khoảng 113.000m^2, nhưng với mục đích chiếm đoạt kinh phí của nhà nước, H4 đã gian dối, báo cáo khống diện tích cây trồng vụ Đg năm 2018 của thôn XC là 300.000m^2. Ngày 09/4/2019, UBND xã Vn chi trả kinh phí hỗ trợ cây trồng vụ Đg năm 2018 cho thôn XC với số tiền 42.000.000 đồng, H4 là người nhận tiền rồi về chi trả cho nhân dân trong thôn. Số tiền thực tế Phan VH đã trả cho 40/42 hộ dân có diện tích trồng cây vụ Đg năm 2018 là 15.695.000 đồng. Để hợp thức chứng từ quyết toán đủ số tiền 42.000.000 đồng, H4 có thủ đoạn khi chi trả tiền cho các hộ dân thì có 15 hộ đã nhận tiền nhưng không pH13 ký tên vào danh sách, có 25 hộ đã nhận tiền ký tên vào danh sách, còn 05 trường hợp H4 ghi, ký khống tên của người dân vào cột "Chủ hộ ký nhận" trong danh sách cấp phát kinh phí, các cột còn lại là "Họ tên chủ hộ", "Diện tích", "Kinh phí nhà nước hỗ trợ" thì để trống, chưa có thông tin gì. Sau khi có chữ ký của các hộ dân ở cột "Chủ hộ ký nhận" thì H4 mới điền thông tin khống số liệu về diện tích là 10.000m^2/hộ và số tiền được nhận là 1.400.000 đồng/hộ rồi ký tên ghi họ tên dưới mục "Trưởng thôn" và gửi danh sách này đến UBND xã Vn để hoàn T1 việc quyết toán số tiền 42.000.000 đồng. Số tiền thực tế Phan VH đã chi trả cho 40 hộ dân là 15.695.000 đồng, số tiền H4 chiếm đoạt, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 26.305.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan VH về tội "*lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét về yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo của bị cáo Phan VH, Hội đồng xét xử Ph1 thẩm thấy rằng: bị cáo H4

là trưởng thôn, Đảng viên, hiểu rõ pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính Ch, mức độ thực hiện tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo H4 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù là hoàn T7 tương xứng. Tuy nhiên, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại cấp Ph1 thẩm bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai và ăn năn về hành vi đó nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng, ổn định; trước khi phạm tội không có tiền án, tiền sự. Hiện nay, bị cáo đang mắc bệnh ung thư phổi giai đoạn IIIb, sức khỏe yếu đang tiếp tục trị xạ theo phác đồ điều trị của bệnh viện phổi trung ương. Xét các tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh thực tế của bị cáo xét thấy không cần pH13 bắt chấp hành hình phạt tù nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an T7 xã hội nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5].Về án phí hình sự Ph1 thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phan VH không pH13 chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan VH; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Ph1.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan VH (Phan Phan ĐH) 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày Tnán Ph1 thẩm.

Giao bị cáo Phan VH (Phan Phan ĐH) cho UBND xã VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Ph1 giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó pH13 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản Lvà sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan VH không pH13 chịu án phí hình sự Ph1 thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Ph1 thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tnán./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Ph1;
- TAND huyện VT;
- Công an huyện VT;
- Chi cục THADS Vĩnh Tường;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Ph1;
- UBND xã VT, huyện VT;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc